## A15. Giáo dục Thể chất (52140206)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHUẨN ĐẦU RA**

**Ngành đào tạo: Giáo dục Thể chất**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**1. Mục tiêu đào tạo**

Sinh viên ngành Giáo dục Thể chất (GDTC), khi ra trường làm giáo viên giảng dạy GDTC ở các trường phổ thông, đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp hoặc làm công tác quản lý, công tác phong trào thể dục thể thao ở các sở, ngành.

**2. Chuẩn đầu ra**

***2.1. Kiến thức:***

- Có hiểu biết cơ bản về nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cần thiết trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý hành chính, quản lý giáo dục, quốc phòng an ninh;

- Có kiến thức khoa học cơ bản, nền tảng: Toán học thống kê, Sinh lý, Giải phẫu... đáp ứng được tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;

- Có kiến thức đầy đủ và chuyên sâu về lý thuyết, thực hành các môn thể thao trong lĩnh vực GDTC;

- Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lý học, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học các môn thể thao để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh;

- Có kiến thức về nghiên cứu khoa học, nhất là phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GDTC và huấn luyện thể thao;

- Hiểu biết chương trình GDTC trong trường phổ thông, đặc biệt nắm vững nội dung, chương trình GDTC trong trường Trung học phổ thông.

***2.2. Kĩ năng:***

Đáp ứng các chuẩn kĩ năng nghề nghiệp giáo viên trung học của Bộ GD&ĐT, trên cơ sở đảm bảo và phát huy các kĩ năng cơ bản sau:

- Có các kĩ năng sư phạm dạy học nội dung GDTC, có khả năng lập kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học nội dung GDTC ở trường phổ thông; kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin truyền thông, các phần mềm dạy học, sử dụng được các phương tiện kĩ thuật thực hành phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy nội dung GDTC;

- Có kĩ năng về ngoại ngữ theo khung năng lực về ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam do Trường Đại học Đồng Tháp quy định;

- Có năng lực tham gia phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng đổi mới công tác giáo dục và tìm tòi các tri thức địa phương vào nội dung, chương trình giáo dục;

- Có kĩ năng sư phạm giáo dục học sinh nói chung và giáo dục học sinh cá biệt, đặc biệt là học sinh ở trường THPT;

- Có khả năng huấn luyện, chỉ đạo, tổ chức điều hành các giải đấu thể thao ở trường học và các giải thể thao quần chúng.

- Có các khả năng hoạt động tập thể Đoàn, Hội, tổ chức các hoạt động phong trào trong trường học;

- Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao (TDTT), biết phân tích và giải quyết các vấn đề trong ngành TDTT, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng tư duy sáng tạo;

- Có khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

***2.3. Thái độ:***

- Có ý thức trách nhiệm của công dân đối với các vấn đề của xã hội, đất nước;

- Tôn trọng người học, chấp nhận các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực, có ý thức tự tôn nghề nghiệp, tác phong sư phạm;

- Coi trọng vị trí, vai trò của GDTC trong hệ thống giáo dục phổ thông; thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn và đổi mới phương pháp dạy học nội dung GDTC;

- Có tình yêu, hứng thú đối với nghề nghiệp, nội dung giảng dạy.

***2.4. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp:***

- Giáo viên giảng dạy về chuyên ngành TDTT ở các cơ sở giáo dục và đào tạo: các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, chủ yếu trong các trường THPT;

- Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu khoa học TDTT;

- Cán bộ quản lý phong trào TDTT ở các sở, phòng văn hóa TDTT và Du lịch;

- Cán bộ cấp huyện, chỉ đạo đội tuyển các môn thể thao hoặc các lớp năng khiếu thể thao ở các địa phương.

***2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:***

Tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học GDTC. Tiếp tục học tập để trở thành huấn luyện viên các chuyên môn trong lĩnh vực TDTT.

**3. Hệ thống năng lực**

Sinh viên tốt nghiệp ra trường cần có những năng lực cần thiết sau:

**3.1. Năng lực tiếp cận và cảm hóa đối tượng**

Được thể hiện ở kỹ năng tiếp cận người học, kỹ năng ứng xử và giải quyết các tình huống giáo dục, kỹ năng huy động các thành phần giáo dục khác, kỹ năng nhận xét, đánh giá người học về mọi mặt. Là khả năng làm cho người học nghe, tin và làm theo mình bằng tình cảm, bằng niềm tin.

**3.2**. **Năng lực dạy học**

Năng lực dạy học là một trong những năng lực cơ bản và cần thiết của người giáo viên, thể hiện trình độ hiểu biết về các lĩnh vực khoa học có liên quan đến thể dục thể thao và những kiến thức lý luận, kinh nghiệm và kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn.

- ***Năng lực chuẩn bị***:

Thể hiện trong quá trình xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, kế hoạch bài học. Năng lực này được thể hiện qua các kỹ năng:

+ Xác định mục tiêu bài dạy trên cơ sở mục tiêu môn học, mục tiêu chương trình;

+ Xác định được kiến thức trọng tâm và kỹ năng dạy học;

+ Lựa chọn các tài liệu tham khảo phù hợp với bài dạy;

+ Lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung bài dạy;

+ Dự kiến các tình huống xảy ra và cách giải quyết các tình huống đó..

- ***Năng lực thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp***:

Bao gồm các năng lực thành phần sau:

+ *Năng lực sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học*: Nhằm phát huy được tính tích cực của người học, xây dựng môi trường học tập hợp tác, thân thiện, làm chủ được lớp học, tạo sự tự tin cho người học, rèn luyện được khả năng tự học của người học;

+ *Năng lực thực hành thể thao*:

Giáo viên TDTT trong trường phổ thông phải có khả năng thị phạm tốt kỹ thuật các môn thể thao trong quá trình giảng dạy đồng thời phát hiện và sửa sai kỹ thuật động tác của người học khi tổ chức tập luyện;

+ *Năng lực phòng chống chấn thương trong tập luyện*:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phòng tránh chấn thương cho người học và có khả năng sơ cứu chấn thương tạm thời tại chỗ khi xảy ra chấn thương. Thường xuyên kiểm tra sân bãi,dụng cụ và phương tiện giảng dạy để phòng ngừa chấn thương xãy ra trong tổ chức tập luyện;

*+ Năng lực huấn luyện thể thao:*

Có khả năng huấn luyện thể thao cho học sinh trong trường phổ thông;

+ *Năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài*:

Có khả năng tổ chức thi đấu và làm trọng tài các môn thể thao ở trường phổ thông và cấp cơ sở.

+ *Năng lực đặt câu hỏi*:

Đặt câu hỏi phải phù hợp với đối tượng học và phát huy được năng lực học tập của người học, nhận xét và trả lời câu hỏi của người học cẩn thận để giúp người học tiến bộ trong học tập;

*+ Năng lực sử dụng các phương tiện và thiết bị dạy học*:

Sử dụng các thiết bị và phương tiện phục vụ giờ học có hiệu quả, biết khai thác điều kiện sẵn có để phục vụ giờ dạy hoặc có ứng dụng phần mềm dạy học, đồ dùng dạy học có giá trị thực tiễn cao;

+ *Năng lực sử dụng ngôn ngữ*:

Ngôn ngữ là một phương tiện truyền đạt quan trọng của người giáo viên. Người giáo viên phải có lời nói rõ ràng, rành mạch, không nói ngọng trong giảng dạy vả trong giao tiếp;

+ *Năng lực truyền đạt*:

Là khả năng nắm vững cách tổ chức và điều khiển hoạt động nhận thức của người học qua nội dung bài học. Năng lực này thể hiện ở người giáo viên:

Thực hiện tốt các kỹ thuật và các phương pháp dạy học;

Biết cung cấp cho người học những kiến thức chính xác, dễ hiểu và làm cho nó trở nên vừa sức với người học;

Gây hứng thú và kích thích học sinh suy nghĩ tích cực và độc lập.

- ***Năng lực nghiên cứu khoa học***:

Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao, biết phân tích và giải quyết các vấn đề trong ngành thể dục thể thao, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo;

- ***Năng lực tham gia phát triển chương trình***:

Giáo viên TDTT phải có năng lực tham gia đánh giá, phát triển chương trình chuyên ngành giáo dục thể chất theo định hướng đổi mới công tác giáo dục, có khả năng tìm tòi, vận dụng các tri thức vào chương trình, nội dung giáo dục.

**3.3**. **Năng lực tổ chức và thiết kế các hoạt động giáo dục**

Đó là năng lực gia công về mặt sư phạm đối với nội dung giảng dạy, là người tổ chức lao động cho cá nhân và tập thể học sinh trong những điều kiện khác nhau. Năng lực này được thể hiện ở các năng lực thành phần sau:

- ***Xây dựng kế hoạch có tính khả thi***:

Bao gồm kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giở lên lớp. Cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm phải gắn với xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, cấn có các biện pháp giáo dục, quản lý học sinh một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm của học sinh trong lớp;

+ Các hoạt ngoài giờ lên lớp phải đảm bảo phù hợp với lứa tuổi học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và tạo hứng thú, lôi cuốn được học sinh tham gia;

- ***Năng lực tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp*:**

Tổ chức và thực hiện các buổi ngoại khóa và tham quan, học tập, sinh hoạt tập thể thích hợp với Đoàn trường, tổng phụ trách đội thục hiện các hoạt động tự quản. Có khả năng huy động các nguồn lực tham gia vào các hoạt động.

- ***Năng lực thiết kế* :**

Là khả năng sáng tạo, xác lập được mối quan hệ giữa yêu cầu của nội dung chương trình với trình độ (nhận thức, kỹ thuật, thể lực...) của người học. Sự sáng tạo thể hiện là sự xác định những nội dung cơ bản, trọng tâm, tìm ra những bài tập phù hợp với khả năng tiếp thu của người học và biết chọn những nội dung lôi cuốn được sự hứng thú cùa người học.

**3.4**. **Năng lực đánh giá**

Được thể hiện ở các năng lực thành phần sau:

- ***Năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh***:

Thể hiện ở việc sử dụng linh hoạt các phương pháp đánh giá kết quả học tập và sử dụng các phần mềm trong đánh giá. Đánh giá chính xác và khách quan bằng điểm số hoặc bằng nhận xét.

- ***Năng lực đánh giá đồng nghiệp:***

Thể hiện ở việc nhận xét, đánh giá giờ dạy của đồng nghiệp, đánh giá những sáng kiến kinh nghiệm vận dụng trong quá trình giáo dục.

- ***Năng lực tự đánh giá:***

Tự đánh giá về mọi mặt giáo dục mà bản thân tham gia:

+ Tự đánh giá về chuyên môn;

+ Tự đánh giá về công tác chủ nhiệm và các hoạt động ngoài giờ;

+ Tự đánh giá về các mặt giáo dục học sinh...

**3.5**. **Năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường**

Bao gồm các năng lực thành phần sau:

- ***Năng lực phối hợp hoạt động giáo dục giữa giáo viên và học sinh:***

Thường xuyên trao đổi, đóng góp với học sinh về tình hình học tập, tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và có biện pháp cải tiến chất lượng học tập của học sinh sau từng học kỳ.

- ***Năng lực phối hợp hoạt động giáo dục với giáo viên***:

Tham gia dự giờ đồng nghiệp, tham gia thao giảng các cấp và sinh hoạt tổ chuyên môn đấy đủ, góp ý xây dựng tổ, khối chuyên môn đoàn kết, vững mạnh, tổng kết các sáng kiến trong giáo dục, ứng xử chuẩn mực với đồng nghiệp, giữ đúng phong cách nhà giáo.

- ***Năng lực phối hợp hoạt động giáo dục với phụ huynh học sinh***:

Tổ chức và thực hiện họp phụ huynh theo đúng quy định, có giấy mời họp đến phụ huynh, có sổ liên lạc thông báo kết quả học tập của từng học sinh, không phê bình học sinh trước toàn thể phụ huynh, biết lắng nghe và cùng phụ huynh có biện pháp giúp đỡ học sinh tiến bộ.

**3.6. Năng lực giao tiếp**

Là khả năng tổ chức thực hiện giao tiếp và đạt kết quả giao tiếp trong dạy học và giáo dục. Hiệu quả của quá trình này phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của người giáo viên. Năng lực giao tiếp thường biểu hiện ở những kỹ năng sau:

***- Kĩ năng định hướng trong giao tiếp***

Kĩ năng này được biểu hiện ở sự biểu lộ bên ngoài nào đó như sắc thái biểu cảm, ngữ điệu, thanh điệu của ngôn ngữ, cử chỉ, động tác, thời điểm và không gian giao tiếp mà phán đoán chính xác về nhân cách cũng như tính chất của mọi quan hệ giữa chủ thể (giáo viên) và đối tượng giao tiếp (người học).

***- Kĩ năng định vị trong giao tiếp***

Kĩ năng định vị là khả năng biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng và biết tạo ra điều kiện để đối tượng chủ động, thoải mái trong giao tiếp với mình.

***- Kĩ năng điều khiển trong quá trình giao tiếp***

Là khả năng lôi cuốn, thu hút đối tượng giao tiếp, biết duy trì sự hứng thú, sự tập trung chú ý của đối tượng. Trên cơ sở xác định được nguyện vọng, hứng thú của đối tượng giao tiếp gồm.

- Kĩ năng làm chủ trạng thái của bản thân, biết điều khiển và điều chỉnh các diễn biến tâm lý của mình cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Kĩ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Phương tiện giao tiếp bao gồm ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

**3.7. Năng lực xây dựng và quản lý hồ sơ**

Giáo viên cần xây dựng, quản lý hồ sơ và thực hiện một cách hiệu quả thể hiện ở việc sắp xếp hồ sơ giảng dạy, hồ sơ quản lý quá trình học tập của học sinh một cách khoa học, đúng thực tế và có giá trị sử dụng cao.

**3.8**. **Năng lực tự học tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ**

Là một năng lực cần thiết của giáo viên Thể dục để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục và xã hội.

**4. Mức tự chủ và trách nhiệm**

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đổi với nhóm.

Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 8 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**